

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HAH, KDC

## [Cập nhật công ty]

VIC

## [Quan điểm đầu tư]

TTCK biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

02/02/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,077.59	+0.15
VN30	1,093.48	+0.50
HĐTL VN30F1M	1,088.00	-0.05
HNXIndex	215.31	-0.32
HNX30	365.83	-0.54
UPCoM	74.88	-0.07
USD/VND	23,450	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.17	-12
Lãi suất qua đêm (%)	6.26	+26
Dầu (WTI, \$)	76.56	+0.20
Vàng (LME, \$)	1,954.42	+0.20



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,077.59 (+0.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 592.7 (-36.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 471.3 (-37.3%)

TTCK biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên, trước sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng, bảo hiểm, với thanh khoản giảm mạnh. Khối ngoại mua ròng ở HPG (1%), STB (+2%), FUEVFVND (-0.5%).

**HNXIndex** 15.31 (-0.32%)  
**KLGD (triệu CP)** 81.7 (-37.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 50.6 (-36.5%)

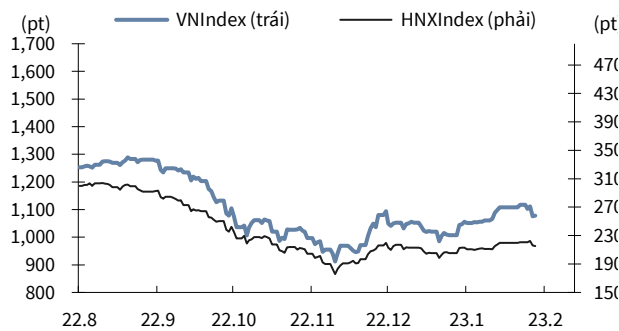
Giá dầu giảm mạnh vào ngày 01/02 sau khi dữ liệu của Chính phủ Mỹ cho thấy dữ trữ dầu thô, xăng và các sản phẩm chưng cất tăng mạnh, đồng thời OPEC và các đồng minh duy trì chính sách sản lượng của nhóm. Cổ phiếu Dầu khí giảm giá ở PVC (-4.26%), BSR (-2.99%).

**UPCoM** 74.88 (-0.07%)  
**KLGD (triệu CP)** 31.6 (-40.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 17.5 (-33.5%)

Nhiều ngân hàng ghi nhận tăng trưởng âm trong quý IV khi lợi nhuận từ nhiều mảng kinh doanh sụt giảm. Cổ phiếu Ngân hàng giảm giá ở TCB (-0.71%), SHB (-1.42%).

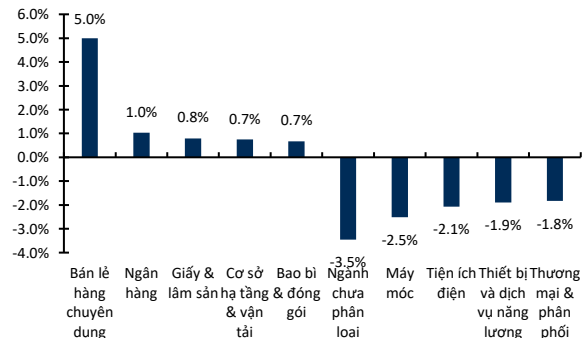
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +21.1

VNIndex & HNXIndex



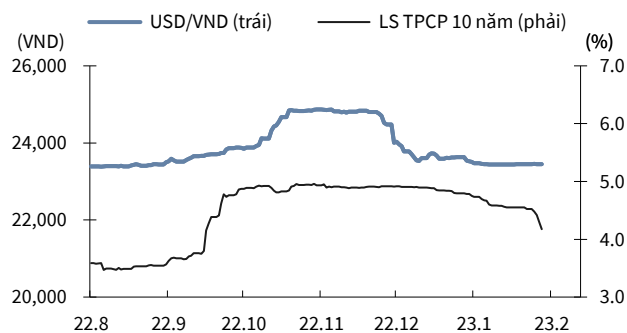
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



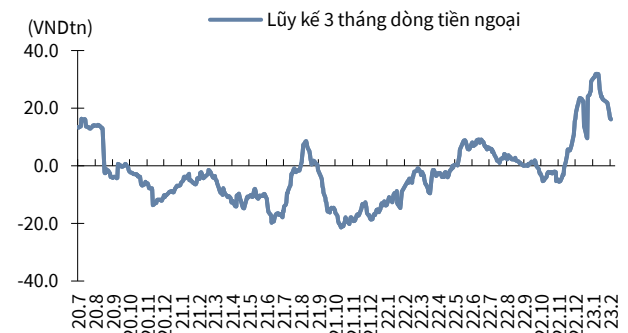
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

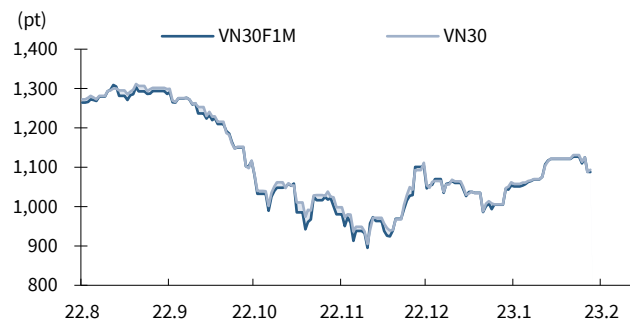
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,093.48 (+0.50%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,088.0 (-0.05%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,090.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,101.3</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,076.2</b>

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2302 và chỉ số VN30 đạt mức cao nhất trong đầu phiên sáng tại 5.3 điểm sau đó đảo chiều và biến động giằng co và đóng cửa ở mức -5.48 điểm. Khối lượng giao dịch tăng cao.

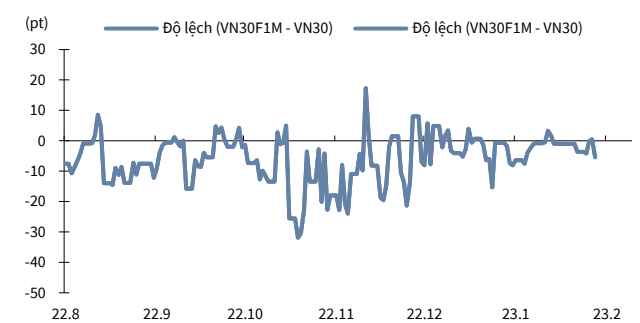
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>354,980 (+10.1%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



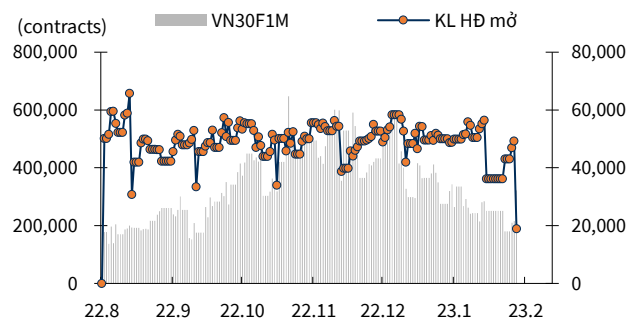
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



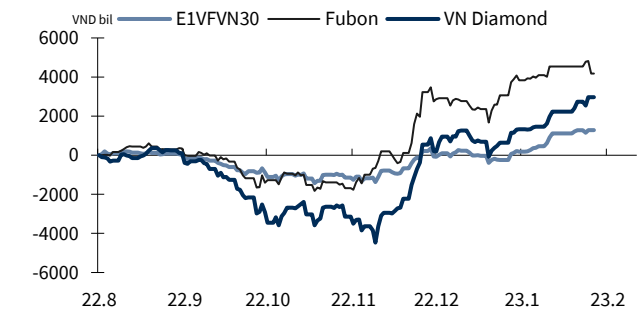
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

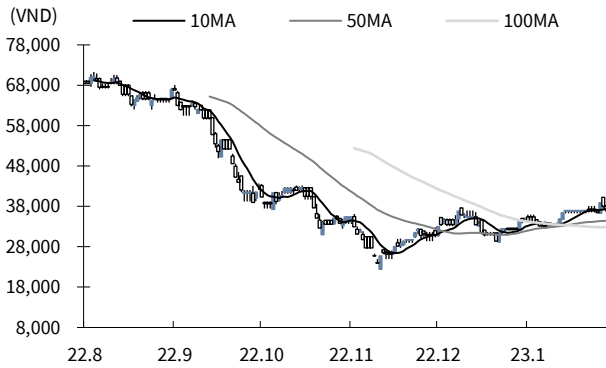
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

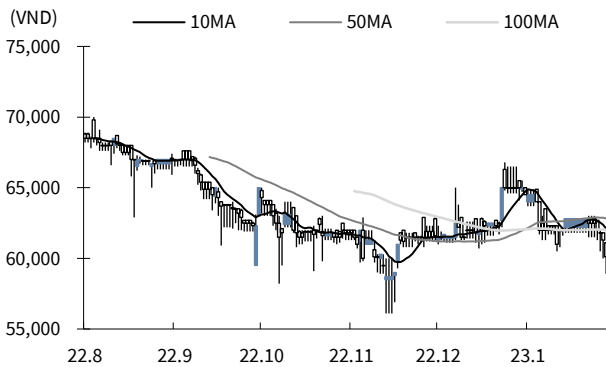
## CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An(HAH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH giảm 1.8% xuống 37,300 VND/cp
- HAH công bố BCTC, lũy kế cả năm 2022, doanh thu thuần đạt 3,205,6 tỷ đồng tăng 64% YoY và LNST đạt 1,051 tỷ đồng – cao gấp gần 2 lần năm ngoái.
- Năm 2023, Vận tải và Xếp dỡ Hải An đặt kế hoạch tổng doanh thu giảm 18% YoY về 2,631 tỷ đồng; và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ giảm 64% YoY về 300 tỷ đồng.

## CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC giảm 2% xuống 60,100 VND/cp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido công bố BCTC, lũy kế năm 2022, doanh thu thuần 12,519 tỷ đồng, tăng 19.3% YoY, lợi nhuận sau thuế 374 tỷ đồng, giảm 42.7% YoY.
- KDC cho biết biến động của của thị trường đã tác động lên chi phí doanh nghiệp, dẫn đến kết quả kém sắc trong quý 4, do đó không hoàn thành kế hoạch năm 2022.

# Vingroup (VIC)

## Hoạt động cho thuê BĐS hồi phục mạnh mẽ

Vingroup đã công bố KQKD Quý 4/2022 với doanh thu đạt 41,168 tỷ VND (+18%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,559 tỷ VND (so với mức lỗ 5,706 tỷ trong quý 4/2021). Lũy kế cả năm 2022, doanh thu của VIC đạt 101,523 tỷ VND (-19%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 8,352 tỷ VND (so với mức lỗ 2,514 tỷ VND trong năm 2021)

### Doanh số bán hàng tăng cao, hoạt động cho thuê BĐS tiếp tục hồi phục mạnh mẽ.

- Doanh thu quý 4/2022 của riêng Vinhomes (bao gồm cả doanh thu bán buôn và BCC) đạt 31,676 tỷ VND (+13%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 8,928 tỷ VND (-25%YoY) nhờ (1) Bàn giao 2,200 căn thấp tầng tại dự án The Empire và (2) Các giao dịch bán buôn tại dự án The Empire và The Crown được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh số bán hàng của Vinhomes trong năm 2022 đạt 128.2 nghìn tỷ VND (+62%YoY), đạt 107% kế hoạch doanh nghiệp đặt ra. Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 4/2022 tăng mạnh đạt 107.6 nghìn tỷ VND (+105%YoY) nhờ mở bán dự án The Empire và The Crown. Trong năm 2023, Vinhomes dự kiến sẽ mở bán các dự án Cổ Loa (385ha - Hà Nội), Vũ Yên (865ha - Hải Phòng), Golden Avenue (116ha - Quảng Ninh) và các dự án nhà ở xã hội Happy Homes Nam Tràng Cát (26ha - Hải Phòng), Thanh Hóa (9ha), Đông Hà Quảng Trị (2ha)
- Đối với Vincom Retail: Kết quả kinh doanh quý 4/2022 hồi phục mạnh mẽ so với cùng kỳ, cụ thể doanh thu quý 4/2022 đạt 2,084 tỷ VND (+52% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 791 tỷ VND (+549%YoY). KQKD hồi phục so với cùng kỳ do (1) VRE không giải ngân gói hỗ trợ nào cho khách trong quý 4/2022 so với gói hỗ trợ 766 tỷ VND trong Quý 4/2021 và (2) Mở mới 3 TTTM Smart City, Mỹ Tho và Bạc Liêu. Tính đến hết quý 4/2022, tổng diện tích sàn cho thuê của VRE là 1.75 triệu m<sup>2</sup> (+6%YoY). Tỷ lệ lấp đầy trong năm 2022 đạt 83.5%, tăng 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Trong năm 2023, VRE dự kiến mở mới TTTM Vincom Mega Mall Grand Park và Vincom Plaza Hà Giang, nâng tổng diện tích sàn cho thuê lên 1.8 triệu m<sup>2</sup>.

### Mảng sản xuất: Tiếp tục bàn giao ô tô điện

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 4/2022 đạt 3,601 tỷ VND (-12%YoY). Lợi nhuận gộp mảng sản xuất âm 3,692 tỷ VND.
- Trong năm 2022, VinFast đã bàn giao 24,000 xe ô tô (trong đó có 7,400 xe điện) và 60,000 xe máy điện. Số lượng đơn đặt hàng cho xe ô tô điện tính tới cuối năm 2022 đạt 70,000.
- VinFast tiếp tục mở rộng thị trường quốc tế, tính đến cuối năm 2022, công ty đã có 22 showroom tại các thị trường trọng điểm như Mỹ, Canada, Đức và Pháp.

### Các hoạt động kinh doanh khác

- Mảng du lịch khách sạn, vui chơi giải trí ghi nhận sự hồi phục mạnh mẽ với doanh thu đạt 1,440 tỷ VND (+1%YoY). Số lượng đêm phòng bán trong quý 4/2022 đạt 281 nghìn (+71%YoY), số lượt khách đến VinWonders đạt 724 nghìn (+219%YoY).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nến spinning về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ đáng lưu ý 106x cho phản ứng sớm cùng với lực bán có phần suy giảm đã giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn đang hiện hữu, VNIndex sẽ sớm gặp áp lực giảm điểm trở lại với vùng kháng cự gần được đặt quanh 109x.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading quanh ngưỡng kháng cự đã đề cập.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1115 - 1120

Kháng cự gần: 1105 - 1109

Hỗ trợ gần: 1075 - 1079

Hỗ trợ xa: 1065 - 1070

- F1 diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nến spinning về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ đáng lưu ý 106x cho phản ứng sớm đã giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn đang hiện hữu, F1 sẽ sớm gặp áp lực giảm điểm trở lại với vùng kháng cự gần được đặt quanh 110x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Đóng các vị thế LONG đã mở quanh ngưỡng kháng cự gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

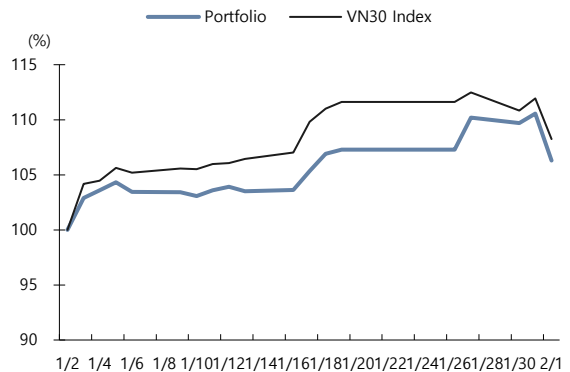
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.29%	-3.85%
Tăng lũy kế (YTD)	8.25%	6.30%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/02/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	47,100	1.3%	21.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	20,150	-6.7%	-3.8%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,700	-3.9%	50.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,700	-5.2%	-3.3%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	15,650	-6.8%	-8.5%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	82,000	-1.8%	238.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,000	-4.9%	53.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,600	0.3%	45.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,100	-4.5%	89.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	24,300	-6.2%	136.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	1.0%	23.0%	136.1
STB	2.0%	27.7%	100.0
FUEVFNVD	-0.5%	97.2%	38.2
VIC	1.1%	12.9%	35.3
SSI	0.0%	43.1%	27.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KBC	-5.4%	19.8%	-41.5
VHM	-0.2%	24.4%	-109.9
VNM	-0.7%	56.0%	-40.1
MSN	1.6%	30.7%	-35.6
KDH	0.4%	37.9%	-8.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.1%	0.8%	16.1
CEO	1.8%	1.2%	12.3
SHS	-2.2%	6.3%	2.9
TNG	-3.2%	8.3%	2.8
APS	-2.0%	0.9%	2.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.4%	19.2%	-1.7
PLC	2.4%	1.2%	-0.8
IDV	0.0%	19.7%	-0.1
NBC	6.5%	4.0%	-0.0
PPS	0.0%	28.5%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.1%	MWG, FRT, CTF, HAX
Giấy & lâm sản	7.9%	DHC, HAP, HHP, VID
Bao bì & đóng gói	5.9%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tập đoàn công nghiệp	3.4%	REE, BCG, PET, EVG
Thiết bị điện	2.8%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-8.2%	PVD, PVT
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-7.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Ngành chứa phân loại	-7.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Chứng khoán	-6.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-5.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	22.5%	DHC, HAP, HHP, VID
Kim loại & khai thác	18.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	13.9%	PLX, PGC, CNG, GSP
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Chứng khoán	13.0%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chứa phân loại	-8.0%	CKG, PSH, NHH, ABS
Phụ tùng oto	-5.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Thương mại & phân phối	-4.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.5%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	89,507 (3.8)	22.5	35.7	33.6	14.7	5.3	5.4	1.9	1.8	1.1	-2.8	3.7	3.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	76,697 (3.3)	26.6	5.6	5.4	35.9	21.6	19.3	1.1	0.9	-0.2	-8.2	-0.2	-0.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	53,390 (2.3)	17.8	18.0	15.8	-7.6	10.6	11.6	1.9	1.8	3.0	-2.7	9.7	9.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	210,744 (9.0)	31.3	3.5	4.5	6.7	13.1	13.8	0.3	0.6	-2.4	1.1	1.4	1.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	45,538 (1.9)	11.6	14.2	11.8	13.7	11.4	12.1	1.5	1.4	0.4	-3.6	0.4	0.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	118,687 (5.1)	13.9	11.2	9.4	-	6.4	7.4	0.6	0.5	-3.2	-3.9	5.5	5.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	105,640 (4.5)	6.3	13.6	12.5	11.7	18.7	20.1	2.6	2.3	1.7	-2.6	13.3	13.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	81,718 (3.5)	12.7	10.7	8.8	-5.3	19.1	19.7	1.8	1.5	0.8	-6.1	11.8	11.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	112,638 (4.8)	0.0	4.4	3.9	14.3	18.0	17.3	0.7	0.6	-0.7	-3.8	8.3	8.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	113,379 (4.8)	1.4	7.4	6.1	50.3	17.9	18.8	1.2	1.0	0.7	-6.1	7.2	7.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	446,156 (19.0)	0.0	7.2	6.2	18.8	16.1	16.0	1.1	0.9	0.5	-5.6	2.8	2.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	187,510 (8.0)	0.0	4.3	3.9	14.6	22.8	21.3	0.9	0.7	0.3	-3.3	10.8	10.8
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,230 (1.7)	4.2	5.3	4.5	23.3	20.9	20.4	1.0	0.8	-3.4	4.9	15.0	15.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	375,485 (16.0)	14.0	-	-	26.5	18.6	19.4	1.1	0.9	1.9	-2.4	16.2	16.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	181,652 (7.7)	0.0	6.0	5.3	37.4	18.3	17.5	1.0	0.8	0.8	-0.4	13.5	13.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	67,721 (2.9)	0.2	-	-	27.3	14.6	14.9	-	-	-1.6	-6.6	-9.5	-9.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	25,821 (1.1)	21.0	18.9	17.3	15.8	10.1	9.5	1.6	1.5	-0.1	0.1	7.2	7.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,111 (0.3)	14.2	11.1	9.5	9.1	13.7	15.0	1.1	1.0	2.9	1.0	15.6	15.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	314,755 (13.4)	55.4	17.1	13.6	-3.2	8.1	10.2	-	-	0.0	-5.0	13.8	13.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	167,709 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.3	-8.3	18.3	18.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	113,727 (4.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.2	-3.3	17.5	17.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	360,929 (15.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.9	-9.9	11.9	11.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	134,485 (5.7)	42.1	16.9	15.5	4.0	29.7	30.9	4.6	4.4	-0.6	-5.7	0.8	0.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,185 (1.0)	36.9	21.0	18.1	7.3	22.7	23.4	4.4	3.9	0.3	1.0	12.3	12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	57,788 (2.5)	16.5	24.6	18.3	-51.9	13.3	16.8	3.5	3.0	1.6	-5.2	4.0	4.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	13,495 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-6.5	4.1	4.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	38,322 (1.6)	11.0	35.3	20.7	-88.5	13.0	26.1	-	-	-1.7	-2.2	2.3	2.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	28,542 (1.2)	10.8	14.9	15.6	-57.0	15.1	13.9	2.1	2.0	2.9	3.7	16.7	16.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	56,083 (2.4)	38.4	20.5	8.5	65.7	3.0	7.3	0.6	0.6	-3.1	-5.5	7.4	7.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	197,407 (8.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.5	-5.9	9.3	9.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	11,595 (0.5)	3.6	16.4	13.5	-52.4	2.0	2.4	-	-	0.5	-5.2	11.7	11.7
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	28,308 (1.2)	0.0	10.7	9.5	-4.5	14.2	14.8	1.5	1.4	-1.0	3.6	1.3	1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	28,902 (1.2)	46.1	14.9	13.8	-17.5	22.1	21.2	3.2	2.8	0.4	2.4	5.4	5.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,333 (0.9)	31.4	8.5	7.6	-10.5	19.9	20.7	1.7	-	-2.5	-5.4	-6.8	-6.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,024 (0.0)	34.1	8.0	5.1	-5.1	11.7	17.5	-	-	-0.7	0.0	12.6	12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	584,827 (24.9)	18.0	11.1	8.4	21.9	12.0	14.5	1.2	1.1	0.9	0.7	18.3	18.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	76,302 (3.3)	36.5	5.3	8.0	-0.5	23.7	15.4	1.1	1.0	1.1	0.8	-0.8	-0.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	66,127 (2.8)	46.5	6.1	6.8	-4.5	22.8	18.2	1.3	1.2	0.4	0.2	0.9	0.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	205,233 (8.7)	38.9	12.9	7.2	67.9	6.1	10.0	0.8	0.6	-1.0	-0.3	25.5	25.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,718 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.6	9.4	21.5	21.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	29,041 (1.2)	4.6	14.7	13.0	-51.0	12.2	12.1	1.8	-	-0.1	-4.7	14.2	14.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	91,491 (3.9)	39.9	25.9	12.8	-11.9	3.2	6.2	0.8	0.7	-0.3	-6.4	10.1	10.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	58,348 (2.5)	35.9	7.2	6.4	2.2	14.4	15.3	0.9	0.8	-4.8	-	-	-13.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	116,521 (5.0)	0.0	12.8	10.0	14.4	19.9	23.2	2.5	2.1	5.9	9.4	16.3	16.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	33,789 (1.4)	0.0	13.3	12.0	2.4	22.2	21.7	2.7	2.2	-1.4	-3.8	-4.9	-4.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	766 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	2.6	4.7	4.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	49,513 (2.1)	30.3	19.3	15.3	-75.2	20.7	21.9	3.6	3.0	0.4	1.6	2.3	2.3
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	20,126 (0.9)	34.6	8.0	6.4	41.2	22.5	24.0	1.7	1.2	-0.3	-0.1	10.3	10.3
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,069 (0.0)	45.4	11.9	-	10.7	21.5	-	2.6	-	0.0	4.9	10.5	10.5
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	78,781 (3.4)	0.0	14.4	11.8	15.5	28.2	30.0	3.5	3.0	-0.1	-2.4	6.5	6.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.